

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 17/12/2025

Về việc: “Tranh chấp ly hôn
và nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Kiện

2. Ông Nhâm Đức Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Danh Lý Khang- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang.

Ngày 17 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 165/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2025/QĐXX-HNGĐ, ngày 05 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị S, sinh ngày S/Y/G

Địa chỉ theo CCCD: Tổ 7, ấp T, xã T, tỉnh A.

Địa chỉ tạm trú hiện nay: Ấp H, xã T, tỉnh A.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh ngày W/T/K

Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh A.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 21/10/2025 của chị Nguyễn Thị S, bản tự khai của các đương sự, nội dung các phiên hòa giải vào các ngày 18 và 21/11/2025, hồ sơ vụ án, vụ án có nội dung như sau:

Sau thời gian tự nguyện tìm hiểu, chị Nguyễn Thị S cùng anh Nguyễn Văn H đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Thạnh Trị, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang cùng vào năm 2006 và đã được UBND xã Thạnh Trị, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang (Nay là xã Thạnh Đông, tỉnh An Giang) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 40.

Trong quá trình chung sống, chị S và anh H có ba người con chung là các cháu Nguyễn Văn Lễ, sinh ngày 09/4/2007, Nguyễn Văn Độ, sinh ngày 11/10/2012 và Nguyễn Thiện Nhân, sinh ngày 14/11/2018 đang do anh Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng; không có tài sản chung; không có nợ chung. Chị S và anh H ly thân từ tháng 7/2024 cho đến nay.

Theo chị Sang, thời gian đầu chung sống vợ chồng thì chị S và anh H hạnh phúc, nhưng mỗi khi anh H đi nhậu về anh H hay kiểm chuyện chửi chị S và các con, không lo làm kinh tế. Năm 2023, chị S đã gửi đơn ly hôn đến Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, Tòa án động viên nên chị S rút đơn để anh H sửa đổi nhưng anh H vẫn không sửa đổi nên chị S lại gửi đơn ly hôn đến Tòa án lần thứ hai.

Theo anh H, anh và chị S mâu thuẫn vợ chồng do vào năm 2023 anh phát hiện chị S không chung thủy.

Chị S làm thợ may và bán cá, trứng gà, trứng vịt, thu nhập trung bình là 06 triệu đồng/tháng.

Anh H làm ruộng, chăn nuôi và làm vườn, thu nhập trung bình là 06 triệu đồng/tháng.

** Chị Nguyễn Thị S yêu cầu Tòa án giải quyết:*

- Về hôn nhân: Cho chị S được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

- Về con chung:

+ Nguyễn Văn Lễ đã trưởng thành, tùy theo quyết định của Nguyễn Văn Lễ, chị S không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng đối với Nguyễn Văn Lễ.

+ Đối với cháu Nguyễn Văn Độ thì tùy theo nguyện vọng của cháu Độ muốn ở với ai khi cha mẹ ly hôn, nếu cháu Độ muốn ở với chị Sang thì chị S nuôi dưỡng, chị Sang không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi cháu Độ, nếu cháu Độ muốn ở với anh H thì chị S không cấp dưỡng nuôi cháu Độ.

+ Cho chị S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thiện Nhân cho đến khi cháu Nhân tròn 18 tuổi; chị S không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi cháu Nhân.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị S không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ngoài ra chị S không yêu cầu gì thêm.

** Ý kiến của anh H:*

- Về hôn nhân: Anh H đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị S.

- Về con chung:

+ Thống nhất với ý kiến của chị S về cháu Nguyễn Văn Lễ.

+ Đối với cháu Nguyễn Văn Độ thì tùy theo nguyện vọng của cháu Độ muốn ở với ai khi cha mẹ ly hôn, nếu cháu Độ muốn ở với anh H thì anh H nuôi dưỡng, anh H không yêu cầu chị Sang cấp dưỡng nuôi cháu Độ, nếu cháu Độ muốn ở với chị S thì anh H không cấp dưỡng nuôi cháu Độ.

+ Cho anh H được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thiện Nhân cho đến khi cháu Nhân tròn 18 tuổi; anh H không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi cháu Nhân.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ngoài ra anh H không yêu cầu gì thêm.

* *Tại phiên tòa*, chị Nguyễn Thị S và anh Nguyễn Văn H vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp:

Vào năm 2006, chị Nguyễn Thị S và anh Nguyễn Văn H thiết lập quan hệ vợ chồng. Do phát sinh mâu thuẫn vợ chồng nên ngày 21/10/2025, chị Nguyễn Thị S gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn H và yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung giữa chị S và anh H. Anh Nguyễn Văn H có hộ khẩu thường trú và hiện nay vẫn cư trú tại ấp T, xã T, tỉnh A. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn H không có yêu cầu phản tố. Do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang theo các quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị S:

2.1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị S và anh Nguyễn Văn H đi đến hôn nhân do tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thạnh Trị, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang cùng vào năm 2006 và đã được UBND xã Thạnh Trị, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang (Nay là xã Thạnh Đông, tỉnh An Giang) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 40 nên theo quy định tại các Điều 9, 11, 12, 13, 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị S và anh Nguyễn Văn H là hôn nhân hợp pháp.

Các đương sự tự nguyện thừa nhận là vào năm 2023, do phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, chị Sang đã gửi đơn ly hôn đến Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, Tòa án động viên nên chị S rút đơn để anh H sửa đổi nhưng hai bên không thể hòa hợp được nên chị S và anh H đã ly thân từ tháng 7/2024 cho đến nay, chị S lại gửi đơn ly hôn anh H đến Tòa án lần thứ hai.

Trong quá trình Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang giải quyết vụ án, Tòa án đã hòa giải đoàn tụ vợ chồng giữa chị S và anh H hai lần nhưng không mang lại kết quả. Tại phiên tòa, chị S xác định là tình cảm của chị S dành cho anh H không còn và chị S vẫn yêu cầu được ly hôn với anh H; anh H tự nguyện đồng ý ly hôn với chị S. Qua đó cho thấy hôn nhân giữa chị S và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 85, khoản 1 Điều 89, Điều 90 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014,

Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị S và anh Nguyễn Văn H.

2.2. Về con chung và người trực tiếp nuôi dưỡng con chung: Chị Nguyễn Thị S và anh Nguyễn Văn H tự nguyện xác định anh, chị có ba người con chung là các cháu Nguyễn Văn Lễ, sinh ngày 09/4/2007, Nguyễn Văn Độ, sinh ngày 11/10/2012 và Nguyễn Thiện Nhân, sinh ngày 14/11/2018 đang do anh Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng từ khi chị S và anh H ly thân cho đến nay.

Căn cứ vào các Điều 92, 93 và 94 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nguyện vọng của các cháu Nguyễn Văn Độ, Nguyễn Thiện Nhân (BL 29, 30), chị S và anh H đều nghề nghiệp và thu nhập ổn định như nhau (BL 42-45) và nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt, ổn định về tình cảm, tâm lý của các cháu Nguyễn Văn Độ, Nguyễn Thiện Nhân, qua nghị án, Tòa án thống nhất:

Cho anh Nguyễn Văn H được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Văn Độ cho đến khi cháu Nguyễn Văn Độ tròn 18 tuổi.

Buộc anh Nguyễn Văn H phải có trách nhiệm giao cháu Nguyễn Thiện Nhân cho chị Nguyễn Thị S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Nguyễn Thiện Nhân cho đến khi cháu Nguyễn Thiện Nhân tròn 18 tuổi.

2.3. Về việc cấp dưỡng nuôi các cháu Nguyễn Văn Độ, Nguyễn Thiện Nhân: Do chị Nguyễn Thị S, anh Nguyễn Văn H không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

2.4. Về việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Văn Lễ: Do cháu Nguyễn Văn Lễ đã trưởng thành và chị Nguyễn Thị S, anh Nguyễn Văn H không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

2.5. Người trực tiếp nuôi con phải tạo điều kiện để người không trực tiếp nuôi con được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Trường hợp cần thiết, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của người con, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi quyền nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.6. Về tài sản chung và nợ chung: Do chị Nguyễn Thị S, anh Nguyễn Văn H không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

Từ những nhận xét trên, Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị S.

[3] Về án phí:

Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Chị Nguyễn Thị S phải chịu số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Khấu trừ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm mà chị Nguyễn Thị S phải chịu vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Nguyễn Thị S đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005451, ngày 21/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang, chị Nguyễn Thị S không phải nộp thêm tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn H không phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, các Điều 266, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025; các Điều 9, 11, 12, 13, 14, 85, khoản 1 Điều 89, các Điều 90, 92, 93 và 94 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Xử:

1- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị S và anh Nguyễn Văn H.

2- Về con chung:

2.1- Về việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Văn Lễ, sinh ngày 09/4/2007: Cháu Nguyễn Văn Lễ đã trưởng thành và chị Nguyễn Thị S, anh Nguyễn Văn H không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

2.2- Cho anh Nguyễn Văn H được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Văn Độ, sinh ngày 11/10/2012 cho đến khi cháu Nguyễn Văn Độ tròn 18 tuổi.

2.3- Buộc anh Nguyễn Văn H phải có trách nhiệm giao cháu Nguyễn Thiện Nhân, sinh ngày 14/11/2018 cho chị Nguyễn Thị S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Nguyễn Thiện Nhân cho đến khi cháu Nguyễn Thiện Nhân tròn 18 tuổi.

2.4- Chị Nguyễn Thị S, anh Nguyễn Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

3- Về cấp dưỡng nuôi các cháu Nguyễn Văn Độ, Nguyễn Thiện Nhân: Chị Nguyễn Thị S, anh Nguyễn Văn H không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

4- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị S, anh Nguyễn Văn H không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

5- Về án phí:

5.1. Chị Nguyễn Thị S phải chịu số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Khấu trừ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm mà chị Nguyễn Thị S phải chịu vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Nguyễn Thị S đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005451, ngày 21/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang, chị Nguyễn Thị S không phải nộp thêm tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5.2. Anh Nguyễn Văn H không phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án (17/12/2025).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 3, tỉnh An Giang;
- THADS tỉnh An Giang (khi án có hpl);
- UBND xã Thanh Đông, tỉnh An Giang (khi án có hpl);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thu Hương